TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2021
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hiếu Nhường.

Bà Nguyễn Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng P, sinh năm 1987 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, Phường M, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Quốc tịch: Hoa Kỳ;

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – bà Lê Thị Hồng P trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Ngọc D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 11/10/2013. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông D dùng nhiều lời lẽ thô tục chửi bà trên mạng xã hội, làm cho tinh thần của bà bị ảnh hưởng, sau đó ông D về Hoa Kỳ sinh sống và không trở về Việt Nam thăm bà, vợ chồng mất liên lạc cho đến

nay. Hơn nữa, theo bà được biết, ông D đã có người bạn gái khác. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D;

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ "Thông báo thụ lý vụ án" bằng hình thức ủy thác tư pháp nhưng ông D không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P và vắng mặt không rõ lý do.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hồng P. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Bà P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp "Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc D đang sinh sống ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Hồng P có đơn đề nghị vắng mặt; ông D đã được tống đạt hợp lệ "Thông báo thụ lý vụ án" bằng hình thức ủy thác tư pháp nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hồng P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng P và ông Nguyễn Ngọc D tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 324, quyển số 02 ngày 30/10/2013, nên quan hệ hôn nhân của bà P và ông D là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà P, sau khi cưới, ông bà chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông D dùng những lời lẽ thô tục chửi bà trên mạng xã hội, làm ảnh hưởng đến tinh thần của bà P. Sau một năm chung sống thì ông D trở về Hoa Kỳ, không quay lại Việt Nam thăm bà P, từ đó vợ chồng không liên lạc với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông D.

Quá trình giải quyết vụ án, bà P có đơn đề nghị vắng mặt với lý do bận công việc, được Tòa án chấp nhận.

Tòa án đã gửi "Thông báo thụ lý vụ án" cho ông D bằng hình thức ủy thác tư pháp nhưng ông D không gửi bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, không cung cấp chứng cứ và vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông D, bà P, đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà P và ông D là có thật và đã trở nên trầm trọng không có khả năng hàn gắn, thời gian sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà P yêu cầu được ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6].Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7]. Về chi phí tố tụng: Bà P đã nộp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Hồng P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng P được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc D.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai số 0001466 ngày 09/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Hồng P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với ông Nguyễn Ngọc D, thời hạn kháng cáo là 01 tháng tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy